

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 2701/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh dự toán phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016/ của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3711/STC-TCHCSN ngày 21/9/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán phân bổ vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 của các địa phương tại khoản 2 Mục III Dự án 4 và khoản 2 Mục VII



Dự án 8 theo Phụ lục đính kèm tại Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh, cụ thể theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán điều chỉnh tại Điều 1, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm bố trí vốn đối ứng ngân sách huyện để đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được duyệt.

**Điều 3:** Các nội dung còn lại vẫn thực hiện theo Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh.

**Điều 4.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (theo danh sách tại Điều 1) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban pháp chế HĐND tỉnh;
- Lưu: VP, TL, TLe. //

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tấn Tuân**

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2022**

(Phụ lục kèm Quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	Dự toán phân bổ theo Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 31/8/2022					Điều chỉnh tăng, giảm					Dự toán sau khi điều chỉnh						
		Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương				
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		
1	2																	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	44.983	39.116	5.867	4.330,5	1.536,5					+1	-1	44.983	39.116	5.867	4.331,5	1.53	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1.534	1.334	200	140	60							1.534	1.334	200	140		
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	16.199	14.086	2.113	1.505	608							16.199	14.086	2.113	1.505		
III	Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS	2.808	2.442	366	275	91							2.808	2.442	366	275		
1	Mua sắm trang thiết bị trạm y tế xã	500	435	65	65								500	435	65	65		
2	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng xã ĐBKK, thôn ĐBKK và công trình CSHT các xã, thôn đã đầu tư giai đoạn trước	2.308	2.007	301	210	91							2.308	2.007	301	210		
	Phân bổ cho các địa phương	2.308	2.007	301	210	91							2.308	2.007	301	210		
	- Huyện Khánh Vĩnh	1.187	1.032	155	108	47							1.187	1.032	155	108		
	- Huyện Khánh Sơn	806	701	105	74	31							806	701	105	74		
	- Huyện Cam Lâm	171	149	22	15	7							171	149	22	15		
	- Huyện Diên Khánh	36	31	5	4	2							36	31	5	3,5		
	- Thị xã Ninh Hòa	72	63	9	6	3							72	63	9	6		
	- Thành phố Cam Ranh	36	31	5	4	2							36	31	5	3,5		
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	8.432	7.332	1.100	872	228							8.432	7.332	1.100	872		
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	1.305	1.135	170	129	41							1.305	1.135	170	129		
VI	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	1.141	992	149	108,5	40,5							1.141	992	149	108,5	4	
VII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	2.665	2.317	348	256	92							2.665	2.317	348	257		
1	Phân bổ cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh (12%)	320	278	42	42								320	278	42	42		
2	Phân bổ cho các địa phương	2.345	2.039	306	214	92							2.345	2.039	306	215		

S T T	NỘI DUNG	Dự toán phân bổ theo Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 31/8/2022					Điều chỉnh tăng, giảm					Dự toán sau khi điều chỉnh						
		Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương				
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		
I	2																	
	- Huyện Khánh Vĩnh	1.236	1.075	161	113	48						1.236	1.075	161	113	48		
	- Huyện Khánh Sơn	852	741	111	78	33						852	741	111	78	33		
	- Huyện Cam Lâm	150	130	20	14	6						150	130	20	14	6		
	- Huyện Diên Khánh	43	37	6	4	2						43	37	6	4	2		
	- Thị xã Ninh Hòa	64	56	8	6	2						64	56	8	6	2		
III	Dự án 9: Đầu tư phát triển dân tộc còn nhiều khó khăn	9.448	8.216	1.232	872	360						9.448	8.216	1.232	872	360		
IX	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào DTTS&M; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.451	1.262	189	173	16						1.451	1.262	189	173	16		